TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2019.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Hoàng P, sinh năm 1972.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1976.

Cùng trú tại ấp S, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Trương Hoàng P trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trương Hoàng P và bà Đặng Thị H (sau đây gọi tắt là ông P, bà H) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống được 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn

ông P yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông P và bà H có 02 người con chung tên Trương Kim Trúc, sinh năm 1994 và Trương Triệu Hoàng, sinh năm 2001, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H thống nhất theo lời trình bày của ông P, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên hiện đang sống ly thân. Tại phiên tòa, bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông P.

Về con chung và chia tài sản chung: Bà H thống nhất theo lời trình bày của ông P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân tên Trương Hoàng P; trích lục khai sinh Trương Kim Trúc, bản sao giấy khai sinh Trương Triệu Hoàng; Tờ khai xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 05/8/2019.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Ông P và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên về mặt pháp lý bà H và ông P chưa được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P nhưng do bà H và ông P không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Ông P, bà H có 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về chia tài sản chung: Ông P, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003009 ngày 23/8/2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 khoản 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Hoàng P và bà Đặng Thị H.

2. Về con chung: Ông P và bà H được 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung*:* Ông P, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí*:* Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003009 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh